TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2023
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Hưng;
2. Ông Nguyễn Văn Còn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu phố X, phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt*"

2. Bị đơn: Anh Phạm Huỳnh P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24-3-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Huỳnh P trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký

kết hôn tại UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh P đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc và sử dụng ma túy, phải chấp hành án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến năm 2021, anh P chấp hành án xong, nhưng vẫn không thay đổi và tiếp tục phải chấp hành án; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn đối với anh Phạm Huỳnh P.

Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung tên Phạm Gia Đ, sinh ngày 31-5-2017 và Phạm Gia H, sinh ngày 17-9-2021; hiện tại cháu Đ và cháu H đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu Đ và cháu H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn – anh Phạm Huỳnh P đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân đúng như lời trình bày của chị T. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên anh P chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Về con chung: Anh P và chị T có hai con chung tên Phạm Gia Đ, sinh ngày 31-5-2017 và Phạm Gia H, sinh ngày 17-9-2021; hiện tại cháu Đ và cháu H đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh P đồng ý giao cháu Đ và cháu H cho chị T tiếp tục trong nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P và chị T không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh P cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật

Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ T đối với anh Phạm Huỳnh P.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Phạm Huỳnh P không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Huỳnh P, anh P có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị T và anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bến Cầu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2017 ngày 04-02-2017 nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị T cho rằng anh P không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc và sử dụng ma túy; còn anh P cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, chị T và anh P đều thống nhất tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn và ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Quá trình làm việc, anh P chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh P thống nhất có hai con chung tên Phạm Gia Đ, sinh ngày 31-5-2017 và Phạm Gia H, sinh ngày 17-9-2021; hiện tại cháu Đ và cháu H đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T và anh P thống nhất giao cháu Đ và cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu Đ và cháu H cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi

con.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh P trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh P trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Phạm Huỳnh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T đối với anh Phạm Huỳnh P. Chị T được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia Đ, sinh ngày 31-5-2017 và Phạm Gia H, sinh ngày 17-9-2021 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P trình bày không có, không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0023033 ngày 30-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Phạm Huỳnh P không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, anh Phạm Huỳnh P có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục P thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Tiến Danh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- Phòng GĐKTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục Thi hành án huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (Lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.